

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định việc bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định việc bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp tương ứng các chức danh và chế độ làm việc của giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục trung học nghề (sau đây gọi chung là giáo viên trung học nghề).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định việc bổ nhiệm, xếp lương và chế độ làm việc của giáo viên trung học nghề tại Chương II và Chương IV Thông tư này áp dụng đối với giáo viên trung học nghề trong trường trung học nghề, trường trung cấp, trường cao đẳng (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục nghề nghiệp) công lập thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Quy định về chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên trung học nghề tại Chương III Thông tư này áp dụng đối với giáo viên trung học nghề trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi chung là cơ sở hoạt

động giáo dục nghề nghiệp) công lập và tự thực thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Thông tư này không áp dụng đối với giáo viên trung học nghề trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

CHƯƠNG II

BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG GIÁO VIÊN TRUNG HỌC NGHỀ

Điều 3. Bổ nhiệm và xếp lương đối với giáo viên trung học nghề

1. Việc bổ nhiệm và xếp lương đối với giáo viên trung học nghề phải căn cứ vào nhiệm vụ, chuẩn nghề nghiệp tương ứng chức danh, chức danh tương đương quy định tại Điều 4 Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Giáo viên trung học nghề đáp ứng chuẩn nghề nghiệp quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này được bổ nhiệm chức danh tương ứng và áp dụng bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cụ thể như sau:

a) Giáo viên trung học nghề hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.1 từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

b) Giáo viên trung học nghề hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2 từ hệ số lương 4,0 đến hệ số lương 6,38;

c) Giáo viên trung học nghề hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98 hoặc áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89 theo trình độ chuẩn được đào tạo.

Điều 4. Xác định tương đương chức danh giáo viên trung học nghề

1. Chức danh tương đương giáo viên trung học nghề được xác định khi chuyển từ vị trí việc làm nhà giáo ở cấp học, trình độ đào tạo khác hoặc vị trí việc làm khác sang vị trí việc làm giáo viên trung học nghề, đảm bảo tương đương tiêu chuẩn về trình độ đào tạo; được xếp ở cùng bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

2. Giáo viên trung học nghề hạng I được xếp vào nhóm V theo quy định tại Phụ lục Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT.

3. Giáo viên trung học nghề hạng II được xếp vào nhóm VII theo quy định tại Phụ lục Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT.

4. Giáo viên trung học nghề hạng III được xếp vào nhóm VIII theo quy định tại Phụ lục Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc xác định tương đương chức danh nhà giáo.

CHƯƠNG III

CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC NGHỀ

Điều 5. Nhiệm vụ của giáo viên trung học nghề

1. Nhiệm vụ của giáo viên trung học nghề hạng III:

a) Giảng dạy các môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông hoặc giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề trong chương trình giáo dục trung học nghề, trong đó có thể giảng dạy lý thuyết hoặc thực hành hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành (sau đây gọi chung là tích hợp); đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

b) Thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở; tham gia nghiên cứu hoặc ứng dụng kết quả của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

c) Tham gia biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp hoặc thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn;

d) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới (đối với giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

đ) Thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; tham gia luyện thi cho người học tham gia kỳ thi, cuộc thi chuyên môn, kỹ năng nghề, khởi nghiệp các cấp;

e) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể (nếu có), các hoạt động phát triển thực tiễn nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc người đứng đầu đơn vị được phân cấp quản lý phân công phù hợp với tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên trung học nghề hạng III và các quy định pháp luật liên quan.

2. Nhiệm vụ của giáo viên trung học nghề hạng II:

a) Giảng dạy môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông hoặc giảng dạy lý thuyết hoặc tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề trong chương trình giáo dục trung học nghề; đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

b) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở; chủ trì hoặc tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở trở lên hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp; tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy; thiết kế, cải tiến, chế tạo đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp hoặc thiết kế, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

d) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; chủ trì hoặc tham gia bồi dưỡng đội ngũ giáo viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa, cơ sở; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới (đối với giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

đ) Thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập, hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; chủ trì hoặc tham gia luyện thi cho người học tham gia kỳ thi, cuộc thi chuyên môn, kỹ năng nghề, khởi nghiệp các cấp;

e) Chủ trì hoặc tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể (nếu có), các hoạt động phát triển thực tiễn nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc người đứng đầu đơn vị được phân cấp quản lý phân công phù hợp với tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên trung học nghề hạng II và các quy định pháp luật liên quan.

4. Nhiệm vụ của giáo viên trung học nghề hạng I:

a) Giảng dạy môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông hoặc giảng dạy lý thuyết hoặc tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề trong chương trình giáo dục trung học nghề; đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

b) Chủ trì tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở; chủ trì hoặc tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở trở lên hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp; tổ chức hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy; thiết kế, cải tiến, chế tạo đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp hoặc thiết kế, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

d) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; chủ trì bồi dưỡng đội ngũ giáo viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa, cơ sở; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới (đối với giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

đ) Thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập, hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; chủ trì hoặc tham gia luyện thi cho người học tham gia kỳ thi, cuộc thi chuyên môn, kỹ năng nghề, khởi nghiệp các cấp;

e) Chủ trì hoặc tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể (nếu có), các hoạt động phát triển thực tiễn nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc người đứng đầu đơn vị được phân cấp quản lý phân công phù hợp với tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên trung học nghề hạng I và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 6. Bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên một số ngành đào tạo của giáo dục đại học đáp ứng tiêu chuẩn để dạy thực hành môn học, mô-đun trong chương trình giáo dục trung học nghề

Bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên một số ngành đào tạo của giáo dục đại học đáp ứng tiêu chuẩn để dạy thực hành chương trình giáo dục trung học nghề là một trong các văn bằng phù hợp với môn học, mô-đun, ngành, nghề giảng dạy như sau:

1. Bằng cử nhân trở lên đối với nhóm ngành, lĩnh vực đào tạo: Sức khỏe; Nghệ thuật (trừ các ngành: Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật; Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Lý luận, lịch sử và phê bình múa); Đào tạo giáo viên (gồm các ngành: Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc; Sư phạm Tin học; Giáo dục Chính trị, Giáo dục Pháp luật, Giáo dục Thể chất; Huấn luyện thể thao, Giáo dục Quốc phòng - An ninh); Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; Kế toán - Kiểm toán; Luật; Sinh học; Sinh học ứng dụng; Máy tính; Công nghệ thông tin; Du lịch; Khách sạn, nhà hàng; Thể dục, thể thao (trừ ngành Quản lý thể dục thể thao).

2. Bằng kỹ sư, kiến trúc sư, bằng bác sĩ chuyên khoa cấp I trở lên, bằng bác sĩ nội trú, bằng bác sĩ chuyên khoa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 7. Tiêu chuẩn về đạo đức của giáo viên trung học nghề

1. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, tôn trọng và đối xử công bằng, đúng mực với người học, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

2. Có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề, tận tụy trong thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm công bằng, khách quan trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học, chủ động phòng ngừa và đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, bệnh thành tích trong giáo dục.

3. Tuân thủ các quy định về đạo đức học thuật và bảo đảm liêm chính khoa học, thực hiện trung thực, minh bạch trong giảng dạy, thực hiện nghiên cứu, công bố kết quả các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các hoạt động chuyên môn khác.

4. Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của nhà giáo và tuân thủ nội quy, quy chế của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề hạng III

1. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp: Giáo viên trung học nghề hạng III phải đáp ứng quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc bằng cử nhân trở lên phù hợp với môn học, ngành, nghề giảng dạy đối với giáo viên giảng dạy môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông và giáo viên dạy lý thuyết môn học, mô-đun chuyên môn nghề;

b) Có bằng cao đẳng hoặc năng lực thực hành nghề dạy thực hành trình độ tương ứng chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục trung học nghề theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trở lên đối với giáo viên giảng dạy thực hành môn học, mô-đun chuyên môn nghề;

c) Giáo viên dạy tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

d) Có năng lực sư phạm dạy chương trình giáo dục trung học nghề (đối với giáo viên không tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên);

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức môn học, mô-đun được phân công giảng dạy; có kiến thức về môn học, mô-đun liên quan; có hiểu biết về thực tiễn sản xuất, dịch vụ của ngành, nghề giảng dạy; thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề trong mô-đun, môn học được phân công giảng dạy (đối với giáo viên dạy thực hành hoặc tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

b) Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng nghề và phương pháp sư phạm để tổ chức và triển khai hoạt động giảng dạy; hướng dẫn người học thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn lao động và đạt được các yêu cầu quy định tại chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

c) Nắm vững mục tiêu, nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của môn học, mô-đun được phân công giảng dạy và kế hoạch đào tạo của cơ sở để tổ chức đào tạo;

d) Có khả năng tham gia xây dựng bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá năng lực học tập phù hợp với nội dung, đặc điểm của môn học, mô-đun và người học; có khả năng đánh giá đúng năng lực của người học;

đ) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học; biết ứng dụng, cải tiến phương tiện, trang thiết bị dạy học;

e) Có hiểu biết cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, tham gia thực hiện hoặc ứng dụng được kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào giảng dạy và các công việc được giao;

g) Ứng dụng được công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giáo viên trung học nghề hạng III theo quy định.

Điều 9. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề hạng II

1. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp: Giáo viên trung học nghề chính phải đáp ứng quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng cử nhân trở lên phù hợp với môn học, mô-đun hoặc ngành, nghề giảng dạy đối với giáo viên giảng dạy môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông, giáo viên dạy lý thuyết môn học, mô-đun chuyên môn nghề;

b) Giáo viên dạy tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản này và có năng lực thực hành nghề dạy trình độ tương ứng chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục trung học nghề theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trở lên;

c) Có năng lực sư phạm dạy chương trình giáo dục trung học nghề (đối với giáo viên không tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức chuyên sâu môn học, mô-đun được phân công giảng dạy; có kiến thức về môn học, mô-đun liên quan; có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của môn học, mô-đun được phân công giảng dạy; có khả năng vận dụng kiến thức chuyên sâu và tiến bộ kỹ thuật vào giảng dạy, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo;

b) Nắm vững mục tiêu đào tạo, nội dung, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo của cơ sở; có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng nghề và phương pháp sư phạm để tổ chức và triển khai hoạt động giảng dạy tích hợp; có khả năng tổ chức, điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng và điều kiện thực tế;

c) Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề của môn học, mô-đun được phân công giảng dạy; hướng dẫn người học thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn lao động và đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng nghề trong chương trình đào tạo (đối với giáo viên dạy tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

d) Có khả năng chủ trì hoặc tham gia xây dựng bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá năng lực học tập phù hợp với nội dung, đặc điểm của môn học, mô-đun và người học; có khả năng đánh giá đúng năng lực người học, tổng hợp, phân tích để điều chỉnh bộ tiêu chí, công cụ đánh giá dựa trên phản hồi, kết

quả đánh giá người học; có năng lực tham gia xây dựng, thẩm định, hướng dẫn sử dụng bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá cấp cơ sở trở lên;

đ) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học; có năng lực tham gia thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn, xưởng thực hành;

e) Nắm vững phương pháp, quy trình và tham gia thực hiện được hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng dụng hoặc chuyển giao được kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào giảng dạy và các công việc được giao;

g) Ứng dụng được công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giáo viên trung học nghề hạng II theo quy định;

h) Đạt ít nhất 02 (hai) trong các thành tích, giải thưởng hoặc đạt ít nhất 02 (hai) lần một trong các thành tích, giải thưởng quy định tại điểm này:

Chủ biên hoặc tham gia biên soạn 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách phục vụ đào tạo hoặc 02 (hai) chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với môn học, ngành, nghề được phân công giảng dạy đã được hội đồng khoa học và đào tạo (do người đứng đầu cơ sở hoặc cấp có thẩm quyền thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo chương trình giáo dục trung học nghề hoặc đào tạo trình độ trung cấp trở lên;

Tham gia thực hiện 01 (một) hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên hoặc là tác giả chính của 01 (một) bài báo khoa học phù hợp với ngành, nghề giảng dạy đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;

Đạt giải ba trở lên trong Hội giảng hoặc Hội thi thiết bị tự làm hoặc cuộc thi, kỳ thi về kỹ năng nghề, khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao (sau đây gọi chung là cuộc thi, kỳ thi khác) cấp tỉnh trở lên hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) giáo viên, giảng viên đạt giải ba trở lên trong Hội giảng cấp tỉnh hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) người học/01 (một) nhóm người học đạt giải ba trở lên trong cuộc thi, kỳ thi khác cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên;

Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp trường trở lên.

Điều 10. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề hạng I

1. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp: Giáo viên trung học nghề cao cấp phải đáp ứng quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với môn học, mô-đun hoặc ngành, nghề giảng dạy đối với giáo viên giảng dạy môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông, giáo viên dạy lý thuyết môn học, mô-đun chuyên môn nghề;

b) Giáo viên dạy tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản này và có năng lực thực hành nghề để dạy thực hành trình độ tương ứng chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục trung học nghề theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trở lên;

c) Có năng lực sư phạm dạy chương trình giáo dục trung học nghề (đối với giáo viên không tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức chuyên sâu về môn học, ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; nắm vững thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy; có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu và tiến bộ kỹ thuật vào giảng dạy, xây dựng, cập nhật hoặc thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy và tập huấn, tư vấn chuyên môn cho giáo viên trong cơ sở;

b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, mục tiêu, nội dung, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo của cơ sở; có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng nghề và phương pháp sư phạm để thiết kế, tổ chức và triển khai hoạt động giảng dạy tích hợp; có khả năng tổ chức, điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng và điều kiện thực tế;

c) Thực hiện thành thạo kỹ năng nghề của môn học, mô-đun được phân công giảng dạy; hướng dẫn người học thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn lao động và đạt được các mục tiêu về phát triển kiến thức, kỹ năng nghề trong chương trình đào tạo (đối với giáo viên dạy tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề); có năng lực bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề cho đội ngũ giáo viên hoặc tư vấn, kết nối doanh nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho người học;

d) Có khả năng chủ trì xây dựng bộ tiêu chí, công cụ đánh giá năng lực học tập phù hợp với nội dung, đặc điểm môn học, mô-đun và người học; có khả năng đánh giá đúng năng lực của người học, tổng hợp, phân tích để điều chỉnh bộ tiêu chí, công cụ đánh giá dựa trên phản hồi, kết quả đánh giá người học; có năng lực chủ trì xây dựng, thẩm định, hướng dẫn sử dụng bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá cấp cơ sở trở lên;

đ) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học; có năng lực chủ trì thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn, xưởng thực hành;

e) Nắm vững phương pháp, quy trình nghiên cứu khoa học và có năng lực chủ trì, hướng dẫn thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

ứng dụng hoặc chuyển giao được kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào giảng dạy và các công việc được giao;

g) Ứng dụng được công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giáo viên trung học nghề hạng I theo quy định;

h) Đạt ít nhất 02 (hai) trong các thành tích, giải thưởng hoặc đạt ít nhất 02 (hai) lần một trong các thành tích, giải thưởng quy định tại điểm này:

Chủ biên 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách phục vụ đào tạo hoặc 02 (hai) giáo trình hoặc 04 (bốn) chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy đã được hội đồng khoa học và đào tạo (do người đứng đầu cơ sở hoặc cấp có thẩm quyền thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo chương trình giáo dục trung học nghề hoặc đào tạo trình độ trung cấp trở lên;

Chủ trì thực hiện 02 (hai) hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở hoặc 01 (một) hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cao hơn đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên hoặc là tác giả chính của 02 (hai) bài báo khoa học phù hợp với ngành, nghề giảng dạy đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;

Đạt giải ba trở lên trong Hội giảng hoặc Hội thi thiết bị tự làm hoặc cuộc thi, kỳ thi khác cấp quốc gia hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) giáo viên, giảng viên đạt giải ba trở lên trong Hội giảng toàn quốc hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) người học/01 (một) nhóm người học đạt giải ba trở lên trong cuộc thi, kỳ thi khác cấp quốc gia hoặc tương đương trở lên;

Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên hoặc được tặng bằng khen từ cấp tỉnh trở lên hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi từ cấp tỉnh trở lên.

CHƯƠNG IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN TRUNG HỌC NGHỀ

Mục I

QUY ĐỊNH CHUNG VÀ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN TRUNG HỌC NGHỀ

Điều 11. Quy định chung về chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề

1. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề, giáo viên trung học nghề giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (bao gồm: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trưởng phòng và tương đương, phó trưởng phòng và tương đương) và

giáo viên trung học nghề làm việc tại các phòng chức năng và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định theo năm học để thực hiện hoạt động nghề nghiệp (giảng dạy, thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, học tập, bồi dưỡng và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác), không bao gồm thời gian nghỉ hằng năm theo quy định.

2. Giờ chuẩn, tiết dạy (sau đây gọi chung là giờ chuẩn) là đơn vị thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy được xác định trên cơ sở quy đổi từ số giờ lao động cần thiết trước, trong và sau giờ giảng để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, bao gồm: chuẩn bị bài giảng, tổ chức giảng dạy, giáo dục và đánh giá người học. Trong đó:

a) Một giờ chuẩn được tính đối với việc giảng dạy khối kiến thức cốt lõi của chương trình trung học phổ thông hoặc giảng dạy lý thuyết khối môn học, mô-đun chuyên môn nghề cho 01 lớp tối đa 35 người học;

b) Một giờ chuẩn được tính đối với việc giảng dạy thực hành hoặc tích hợp trong 01 giờ giảng môn học, mô-đun chuyên môn nghề cho 01 lớp tối đa 18 người học; giảng dạy thực hành hoặc tích hợp khối môn học, mô-đun chuyên môn nghề các ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cho 01 lớp tối đa 10 người học.

3. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn, trong đó:

a) Một giờ giảng lý thuyết (kiến thức cốt lõi của chương trình trung học phổ thông hoặc môn học, mô-đun chuyên môn nghề) là 45 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn;

b) Một giờ dạy tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề là 60 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn;

c) Một giờ dạy thực hành môn học, mô-đun chuyên môn nghề là 60 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn.

4. Định mức giờ chuẩn là số giờ chuẩn được quy định mà mỗi giáo viên trung học nghề phải giảng dạy trong một năm học.

5. Giảm định mức giờ chuẩn là việc giáo viên trung học nghề không phải thực hiện một số giờ giảng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, quản lý hoặc kiêm nhiệm do cấp có thẩm quyền giao hoặc trong một số trường hợp cụ thể theo quy định.

6. Quy đổi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ra giờ chuẩn là việc giáo viên trung học nghề khi được cấp có thẩm quyền giao thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ (khác với các nhiệm vụ đã được giảm định mức giờ chuẩn) thì được tính quy đổi thành giờ chuẩn để tính khối lượng giảng dạy.

Điều 12. Nguyên tắc xác định chế độ làm việc

1. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề được xác định theo số tuần và định mức giờ chuẩn trong một năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định, bảo đảm không vượt quá thời giờ làm việc tối đa theo quy định.

2. Định mức giờ chuẩn của giáo viên trung học nghề tham gia giảng dạy môn học trung học phổ thông và môn học, mô-đun chuyên môn nghề trong một năm học áp dụng theo 01 định mức giờ chuẩn của môn học, mô-đun có số giờ giảng dạy thực tế nhiều hơn.

3. Một giờ chuẩn giảng dạy môn học trung học phổ thông được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề. Một giờ chuẩn giảng dạy trực tuyến được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp.

4. Thời gian giáo viên trung học nghề không sử dụng hết để học tập, bồi dưỡng, thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới (đối với giáo viên dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề) được quy đổi ra giờ chuẩn. Số giờ quy đổi được xác định theo tỷ lệ giữa thời gian giáo viên không sử dụng hết để thực hiện các nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng, thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới với thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy; số giờ quy đổi được cộng thêm vào định mức giờ chuẩn trong năm học.

5. Đối với các nhiệm vụ đã được bố trí kinh phí để chi trả thù lao cho giáo viên theo quy định thì không thực hiện giảm định mức giờ chuẩn và không quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ đó ra giờ chuẩn. Đối với giáo viên trung học nghề được phân công kiêm nhiệm công tác hành chính, công tác khác, định mức giờ chuẩn tính theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian được phân công kiêm nhiệm với thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy.

6. Việc phân công, bố trí nhiệm vụ cho giáo viên trung học nghề phải đảm bảo:

a) Phù hợp với định mức giờ chuẩn, thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới (đối với giáo viên dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về lao động về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi;

c) Công khai, minh bạch trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp để thống nhất thực hiện.

Mục II

THỜI GIAN LÀM VIỆC, ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN VÀ THỜI GIAN NGHỈ HÀNG NĂM CỦA GIÁO VIÊN TRUNG HỌC NGHỀ

Điều 13. Thời gian làm việc

1. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề dạy môn học chương trình trung học phổ thông là 42 tuần (tương đương 1.680 giờ hành chính), bao gồm:

a) 37 tuần thực hiện nhiệm vụ giảng dạy (35 tuần thực dạy và 02 tuần dự phòng);

b) 05 tuần tham gia học tập, bồi dưỡng; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác (bao gồm cả thời gian chuẩn bị năm học mới và tổng kết năm học).

2. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính), bao gồm:

a) 36 tuần thực hiện nhiệm vụ giảng dạy;

b) 08 tuần tham gia học tập, bồi dưỡng; thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác (bao gồm cả thời gian chuẩn bị năm học mới và tổng kết năm học).

3. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 46 tuần, bao gồm thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy bảo đảm định mức giờ chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư này.

Điều 14. Định mức giờ chuẩn

1. Định mức giờ chuẩn trong một năm học của giáo viên trung học nghề dạy môn học trung học phổ thông: 595 giờ chuẩn (trung bình 17 giờ/tuần).

2. Định mức giờ chuẩn trong một năm học của giáo viên trung học nghề dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề: Từ 400 đến 510 giờ chuẩn.

3. Định mức giờ chuẩn trong một năm học của giáo viên dạy môn học chung trong môn học, mô-đun chuyên môn nghề là 510 giờ chuẩn.

4. Định mức giờ chuẩn đối với giáo viên trung học nghề giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên trung học nghề làm việc tại các phòng chức năng như sau:

a) Hiệu trưởng, giám đốc: 8% định mức giờ chuẩn/năm học;

b) Phó hiệu trưởng, phó giám đốc: 10% định mức giờ chuẩn/năm học;

c) Trưởng phòng và tương đương: 14% định mức giờ chuẩn/năm học;

d) Phó trưởng phòng và tương đương: 18% định mức giờ chuẩn/năm học;

đ) Giáo viên trung học nghề làm việc tại các phòng chức năng: 20% định mức giờ chuẩn/năm học.

Điều 15. Thời gian nghỉ hằng năm

1. Thời gian nghỉ hàng năm của giáo viên trung học nghề gồm: Nghỉ hè, nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định.

2. Thời gian nghỉ hè hằng năm của giáo viên trung học nghề được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Thời gian nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội.

4. Căn cứ kế hoạch năm học, quy mô, đặc điểm, điều kiện thực tế người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp bố trí thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên trung học nghề đúng quy định, phù hợp kế hoạch đào tạo của nhà trường.

5. Trường hợp thời gian nghỉ hè trùng với thời gian nghỉ thai sản của giáo viên nữ, ngoài thời gian nghỉ theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thời gian nghỉ của giáo viên bao gồm:

a) Thời gian nghỉ thai sản đủ theo quy định;

b) Thời gian nghỉ hè không trùng với thời gian nghỉ thai sản được bố trí trước hoặc sau thời gian nghỉ thai sản, phù hợp với kế hoạch đào tạo của nhà trường;

c) Trường hợp thời gian nghỉ quy định tại điểm b khoản này ít hơn số ngày nghỉ phép hằng năm theo quy định của pháp luật về lao động thì giáo viên trung học nghề được nghỉ thêm bảo đảm tổng số ngày nghỉ thêm và số ngày nghỉ quy định tại điểm b khoản này bằng số ngày nghỉ hằng năm theo quy định. Thời gian nghỉ thêm được sắp xếp linh hoạt theo thỏa thuận giữa giáo viên với cơ sở.

6. Trường hợp giáo viên nam được nghỉ chế độ thai sản khi vợ sinh con theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì giáo viên được tính hoàn thành đủ định mức giờ chuẩn trong thời gian nghỉ và không phải thực hiện dạy bù. Trường hợp thời gian nghỉ chế độ thai sản khi vợ sinh con của giáo viên nam trùng với thời gian nghỉ hè thì không được nghỉ bù đối với thời gian trùng.

Mục III

CHẾ ĐỘ DẠY THÊM GIỜ VƯỢT ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN, CHẾ ĐỘ GIẢM ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN VÀ QUY ĐỊNH CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN RA GIỜ CHUẨN

Điều 16. Chế độ dạy thêm giờ vượt định mức giờ chuẩn

1. Trong năm học, giáo viên trung học nghề tham gia giảng dạy có tổng số giờ chuẩn vượt định mức giờ chuẩn quy định tại Điều 14 Thông tư này thì số giờ chuẩn vượt định mức được xác định là số giờ dạy thêm.

2. Tổng số giờ dạy thêm của giáo viên trung học nghề không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định của pháp luật.

3. Việc thanh toán tiền lương dạy thêm giờ được thực hiện theo quy định.

Điều 17. Chế độ giảm định mức giờ chuẩn

1. Giáo viên trung học nghề là cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tại các khoa chuyên môn, tổ bộ môn hoặc giáo viên trung học nghề kiêm nhiệm công tác khác được giảm định mức giờ chuẩn như sau:

a) Giáo viên trung học nghề được phân công kiêm nhiệm công tác giáo vụ hoặc tư vấn học sinh được giảm từ 10% đến 15% định mức giờ chuẩn cho 01 lớp, giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp hoặc cố vấn học tập được giảm từ 15% đến 20% định mức giờ chuẩn cho 01 lớp tùy theo số lượng, quy mô lớp học, nội dung, trình độ đào tạo và đặc điểm môn học, mô-đun;

b) Giáo viên trung học nghề phụ trách phòng học chuyên môn/xưởng thực hành/phòng thực hành, thực tập, giáo viên kiêm phụ trách phòng học bộ môn: được giảm 10% định mức giờ chuẩn cho 01 phòng, xưởng có nhân viên chuyên trách; được giảm 15% định mức giờ chuẩn cho 01 phòng, xưởng nếu không có nhân viên chuyên trách;

c) Giáo viên trung học nghề là trưởng khoa, trưởng trạm, trại và tương đương, phó trưởng khoa, phó trưởng trạm, trại và tương đương; giáo viên là trưởng bộ môn và tương đương; giáo viên kiêm phụ trách thư viện: được giảm từ 15% đến 30% định mức giờ chuẩn.

2. Giáo viên trung học nghề kiêm nhiệm công tác Đảng, đoàn thể

a) Giáo viên kiêm Bí thư Đảng ủy cấp cơ sở hoặc Bí thư Chi bộ cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được giảm từ 20% đến 30% định mức giờ chuẩn; giáo viên kiêm cấp phó các chức danh nêu trên được giảm từ 15% đến 20% định mức giờ chuẩn; giáo viên kiêm Đảng ủy viên hoặc Chi ủy viên chi bộ cơ sở được giảm từ 10% đến 15% định mức giờ chuẩn. Căn cứ quy mô của nhà trường, số lượng các thành viên trong từng tổ chức, sau khi thỏa thuận với các tổ chức Đảng, đoàn thể, người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp quyết định tỷ lệ giảm cụ thể cho các chức danh trong phạm vi quy định;

b) Giáo viên trung học nghề kiêm nhiệm công tác công đoàn được giảm định mức giờ chuẩn theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về chế độ giảm định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Giáo viên trung học nghề là cán bộ trong tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam hoặc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cấp trường được áp dụng chế độ giảm định mức giờ chuẩn theo quy định tại Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

3. Giáo viên trung học nghề kiêm nhiều nhiệm vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính tổng mức giảm định mức giờ chuẩn nhưng không vượt quá 50% định mức giờ chuẩn.

4. Không giảm định mức giờ chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với giáo viên trung học nghề giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên trung học nghề làm việc tại các phòng chức năng quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư này.

5. Chế độ giảm giờ chuẩn đối với các trường hợp khác:

a) Trong thời gian thử việc (nếu có), giáo viên trung học nghề chỉ thực hiện tối đa 50% định mức giờ chuẩn và được miễn nhiệm vụ thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để dành thời gian tham gia dự giờ và thực tập, thực tế;

b) Trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của pháp luật về lao động hiện hành, giáo viên trung học nghề được miễn giảm định mức giờ chuẩn theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ;

c) Trường hợp tham gia học tập, bồi dưỡng vượt quá thời gian quy định, giáo viên trung học nghề được giảm 14 giờ chuẩn cho 01 tuần học tập, bồi dưỡng (đối với giáo viên dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề), được giảm 17 giờ chuẩn cho 01 tuần học tập, bồi dưỡng (đối với giáo viên dạy môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông);

d) Giáo viên nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được giảm 15% định mức giờ chuẩn.

Điều 18. Quy đổi các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ra giờ chuẩn

1. Hoạt động chuyên môn quy đổi ra giờ chuẩn:

a) Một giờ giảng môn học, mô-đun chuyên môn nghề bằng tiếng nước ngoài (không phải là môn ngoại ngữ) được tính bằng 1,5 đến 2,0 giờ chuẩn;

b) Một giờ giảng dạy lý thuyết đối với lớp học có số lượng người học vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này được tính quy đổi nhưng không quá 1,5 giờ chuẩn;

c) Một giờ giảng dạy phụ đạo cho người học hoặc dạy thêm cho người học có kết quả học tập cuối học kỳ liền kề ở mức chưa đạt đối với môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông theo kế hoạch giáo dục của nhà trường được tính quy đổi nhưng không quá 1,5 giờ chuẩn;

d) Một giờ giảng dạy, hướng dẫn, bồi dưỡng cho nhà giáo khác để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia Hội giảng, hội thi, cuộc thi, kỳ thi về kỹ năng nghề, khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao các cấp được tính bằng 1,5 giờ chuẩn;

đ) Thời gian thiết kế, cải tiến, tự làm các trang thiết bị đào tạo và thời gian xây dựng, phát triển học liệu số, bài giảng điện tử phục vụ giảng dạy (cấp khoa trở lên phê duyệt) được tính quy đổi ra giờ chuẩn;

e) Giảng dạy giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất, thời gian làm công tác phong trào thể dục thể thao, huấn luyện quân sự cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhà giáo, nhân viên của cơ sở được tính quy đổi ra giờ chuẩn.

2. Các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác quy đổi ra giờ chuẩn: Giảng dạy, bồi dưỡng người học ôn thi tuyển sinh, ôn thi tốt nghiệp; soạn đề thi, coi thi, chấm thi kết thúc mô-đun, môn học; soạn đề thi, coi thi, chấm thi tốt nghiệp; hướng dẫn, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; bồi dưỡng cho người học tham gia cuộc thi, kỳ thi các cấp về kỹ năng nghề, khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung chuyên môn, nghiệp vụ khác theo quy định của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản áp dụng

1. Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các hạng viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hoặc chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông theo quy định của pháp luật được cấp trước ngày 31 tháng 12 năm 2026 được xác định là đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư này.

2. Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông, các chứng chỉ được công nhận đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực sư phạm dạy trình độ trung cấp, dạy trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được công nhận đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực sư phạm dạy chương trình giáo dục trung học nghề quy định tại Thông tư này.

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giảng viên, giáo viên đang giữ mã số, chức danh của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục được giữ mã số, chức danh hiện giữ đến khi được bổ nhiệm và xếp lương theo quy định.

2. Tiếp tục áp dụng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông đối với giáo viên giảng dạy môn học, kiến thức chương trình văn hóa trung học phổ thông trong chương trình giáo dục trung học nghề tại cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đối

với giáo viên đang giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề đến khi được bổ nhiệm và xếp lương chức danh giáo viên trung học nghề.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan quản lý cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất việc thực hiện chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Căn cứ quy mô đào tạo, điều kiện thực tế của cơ sở, đặc điểm của từng môn học, mô-đun, ngành, nghề đào tạo, số người học cụ thể của các lớp học và mức độ phức tạp của các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác, người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có giảng dạy chương trình trung học nghề có trách nhiệm:

a) Quy định công khai, minh bạch các tiêu chí xác định định mức giờ chuẩn để quyết định định mức giờ chuẩn trong năm học cho giáo viên trung học nghề, trong đó có số giờ chuẩn tối thiểu mà giáo viên phải trực tiếp giảng dạy trong năm học; định mức giờ chuẩn đối với các trường hợp bố trí, phân công giáo viên kiêm nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo giờ hành chính;

b) Quyết định việc thực hiện và số giờ tối thiểu mà giáo viên trung học nghề phải tham gia học tập, bồi dưỡng, thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới trong năm học (đối với giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

c) Quyết định thời điểm nghỉ hè phù hợp với kế hoạch đào tạo của cơ sở;

d) Quyết định tỷ lệ giảm giờ chuẩn cụ thể đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Thông tư này;

đ) Quy định cụ thể việc quy đổi ra giờ chuẩn đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14, Điều 18 Thông tư này và các trường hợp khác (nếu có);

e) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chế độ làm việc của giáo viên trung học nghề; khuyến khích sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử trong việc phân công, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư có hiệu lực, người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy định cụ thể về chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp với quy định của Thông tư này; chịu trách nhiệm giải trình về quyết định và việc tổ chức thực hiện chế độ làm việc đối với giáo viên tại cơ sở theo quy định.

4. Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp tự thực có thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề được áp dụng quy định tại Thông tư này để thực hiện các quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề tại cơ sở.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và hiệu trưởng cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VH&XH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Như khoản 3 Điều 22;
- Công báo CP; Cổng PLQG; CSDLQG về VBPL; TTĐT Chính phủ; TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (05).

Q. BỘ TRƯỞNG

Hoàng Minh Sơn